



CÔNG TY KẾ TOÁN KIỂM TOÁN & TƯ VẤN SÀI MINH
SAI MINH ACCOUNTING AUDITING & CONSULTING CO., LTD.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Head Office: 305/19 Nam Ky Khoi Nghia St. - Dist.3 - HCM City - Viet Nam
Tel: (84-8) 3517 4538 (16 Lines)-(84-8) 3846 5259 - Fax: (84-8) 3517 4540
Branch Office: 248 Phan Xich Long Str. - Phu Nhuan Dist. - HCMC - Vietnam
E-mail: saiminh@saiminh.com - Website: www.saiminh.com

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc trình bày báo cáo này kết hợp với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Ông Hồ Nam Thắng	Chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Quang Tri	P.Chủ tịch HĐQT
Ông Trịnh Quang Tuyển	P.Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên	Ủy viên HĐQT
Ông Vũ Hồng Sự	Ủy viên HĐQT
Ông Phan Hoàng Chung Thủy	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Như Thu	Ủy viên HĐQT
Ông Trần Văn Quý	Ủy viên HĐQT
Bà Phạm Thị Bé	Ủy viên HĐQT
Bà Phạm Thị Mỹ Hoa	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thy Sơn	Ủy viên HĐQT

2. Thành viên Ban Giám Đốc

Các thành viên Ban Giám Đốc đang tại chức vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Hoàng Chung Thủy	Tổng Giám Đốc
Ông Dương Ngọc Lâm	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Cung Trọng Toàn	Phó Tổng Giám Đốc

3. Thành lập :

Công ty Cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu (Công ty) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 37GP/KDBH ngày 19 tháng 06 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC/KDBH ngày 27/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp. Công ty được phép hoạt động trong thời hạn chín mươi chín (99) năm.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu là: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ đồng) đồng Việt Nam, trong đó số vốn góp của các cổ đông lớn như sau:

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam – EVN	90.000.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam:	17.600.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á:	8.800.000.000
- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà:	8.800.000.000
- Công ty bay Dịch vụ Miền Nam – SSFC	6.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- Công ty bay Dịch vụ Miền Bắc – NSFC	3.000.000.000
- Tổng Công ty Trục thẳng Việt Nam – SFC	1.500.000.000
- Ông Nguyễn Như Thu:	10.897.500.000
- Ông Phan Hoàng Chung Thủy:	27.510.500.000
- Ông Hồ Nam Thắng:	25.010.000.000
- Ông Nguyễn Thy Sơn:	10.560.000.000
- Ông Trần Văn Quý:	8.560.000.000
- Ông Đỗ Công Khanh:	7.152.500.000
- Bà Nguyễn Thanh Bình:	4.512.500.000
- Bà Phạm Thị Bé:	4.800.000.000
- Ông Nguyễn Văn Tiến (HN):	4.400.000.000
- Ông Trần Anh Thái:	3.520.000.000
- Ông Nguyễn Văn Tiến (SG):	3.080.000.000

4. Trụ sở hoạt động

- Trụ sở chính Công ty đặt tại số Lầu 2, Tòa nhà ITAXA HOUSE, 126 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6 Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Hội sở phía Bắc của Công ty có trụ sở đặt tại tầng 4, 141 Lê Duẩn, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.
- Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Toàn Cầu - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, 106-108 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh khu vực Tây Bắc có trụ sở đặt tại 50 Tổ 3, đường Lò Văn Giá, phường Chiềng Nè, TP Sơn La, tỉnh Sơn La.
- Chi nhánh tại Hải Phòng có trụ sở đặt tại 282 đường Đà Nẵng, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.
- Chi nhánh tại Quảng Ninh có trụ sở đặt tại Tầng 4, Tòa nhà Công ty cho thuê Tài chính I, 451 Nguyễn Văn Cừ, P.Hồng Hải, TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Chi nhánh tại Hà Nội có trụ sở đặt tại số P1204 tầng 12, tòa nhà CIENCO 1, Hoàng Đạo Thúy, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Chi nhánh tại Nghệ An có trụ sở đặt tại Lô 6, Số 14, đường Quang Trung, Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Chi nhánh tại Đắk Lắk có trụ sở đặt tại số 02 Lê Duẩn, TP.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng có trụ sở đặt tại 78A Duy Tân, Q.Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

- Cty Cổ phần Bảo Hiểm Toàn Cầu - Chi nhánh Gia Lai có trụ sở đặt tại 39 Lê Hồng Phong, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Chi nhánh tại Đồng Nai có trụ sở đặt tại số 10F1 Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 6, phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh tại Bà Rịa – Vũng Tàu có trụ sở đặt tại số 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - P.Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Chi nhánh tại Bình Dương có trụ sở đặt tại số 514 Khu 1 Đại Lộ Bình Dương P.Hiệp Thành, TX Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại Cần Thơ có trụ sở đặt tại số 274 Bis đường 30/4 Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Chi Nhánh Bắc Miền Trung có trụ sở tại 11A Nguyễn Huệ, P. Vĩnh Ninh, Tp. Huế.
- Chi Nhánh Bình Định có trụ sở tại Tầng 2 , tòa nhà Ban QLDA Thủy điện 7, 125 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

5. Đặc điểm và tình hình hoạt động

- Hình thức hoạt động: Công ty Cổ phần bảo hiểm.
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: bảo hiểm phi nhân thọ.
- Các nghiệp vụ được phép kinh doanh:
 - + Kinh doanh bảo hiểm gốc: Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người; Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm cháy, nổ; Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; Bảo hiểm trách nhiệm chung; Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính; Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh; Bảo hiểm nông nghiệp.
 - + Kinh doanh tái bảo hiểm: Nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
 - + Các hoạt động đầu tư và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

6. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính:

Ngày 28 tháng 02 năm 2011 Công ty cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng chẵn) lên 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng chẵn) theo giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC6/KDBH ngày 28 tháng 02 năm 2011 do Bộ tài chính Việt Nam cấp.

7. Kết quả hoạt động năm 2010 (ĐVT: VNĐ)

- Tổng doanh thu và thu nhập khác	:	434.633.263.969
- Tổng chi phí phát sinh và khoản lập dự phòng	:	398.109.435.599
- Lợi nhuận kế toán	:	36.523.828.370

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

8. Các thông tin khác

8.1 Tài sản

Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Ban Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc 31/12/2010.

8.2 Không có trường hợp nào dẫn đến các số liệu gây hiểu nhầm.

Ban Giám đốc nhận thấy không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày 31/12/2010 đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

8.3 Các nghiệp vụ trọng yếu và bất thường.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các hoạt động của Công ty năm 2010 được phản ánh trên báo cáo này không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.

9. Kiểm toán

Công ty Kế toán Kiểm toán và tư vấn Sài Minh được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu cho năm tài chính 2010 kết thúc vào ngày 31/12/2010.

10. Báo cáo của Ban Giám Đốc

Với trách nhiệm của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm, xét trên phương diện trọng yếu, đã được soạn thảo và trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu cho năm 2010 kết thúc vào ngày 31/12/2010.

Thay mặt Ban Giám Đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN HOÀNG CHUNG THỦY

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2011



SỐ : 006.12/2010/AU

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị – Ban Giám Đốc
Công Ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính niên độ tài chính năm 2010 kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu được soạn thảo phù hợp với Hệ thống chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài chính.

Việc soạn thảo báo cáo tài chính thuộc về trách nhiệm của Ban Giám Đốc của Quý công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở của việc kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt nam, phù hợp với các tiêu chuẩn kiểm toán Quốc tế và những thông lệ kiểm toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Những chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán nhằm đảm bảo một cách hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến các số liệu và các công bố trên báo cáo tài chính nói trên. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc và phương pháp kế toán đã được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Giám Đốc của Quý Công ty, cũng như đánh giá sự trình bày đầy đủ các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Tại 31/12/2010, số dư khoản phải thu của Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin từ hai hợp đồng ủy thác cho vay số 01/HĐUT/SCB-HN/08 và 02/HĐUT/SCB-HN/08 trị giá 15.014.000.000 VNĐ đã quá hạn nhưng Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng.

Theo quan điểm của chúng tôi ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) nêu trên, xét trên mọi phương diện trọng yếu báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu cho niên độ năm tài chính 2010 kết thúc vào ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2011.

Giám Đốc



Nguyễn Phú Hiền

Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0534/KTV
Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Kiểm toán viên



Nguyễn Văn Hậu

Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 1340/KTV
Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính : VNĐ

Mẫu số B 01 - DNBH

Ban hành theo QĐ số 150/2001/QĐ - BTC
Ngày 31/12/2001 của Bộ Tài Chính

TÀI SẢN	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
1	2	3	4
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG & ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 160)	100	400,307,750,284	570,576,610,671
I. TIỀN	110	30,486,300,765	54,364,360,502
1. Tiền mặt tại quỹ (gồm cả ngân phiếu)	111	1,722,510,192	2,067,082,948
2. Tiền gửi ngân hàng	112	28,762,790,573	52,297,277,554
3. Tiền đang chuyển	113	1,000,000	-
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	222,673,755,607	255,893,109,133
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121	23,804,514,614	16,174,469,947
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128	207,205,681,980	242,633,100,424
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn*	129	(8,336,440,987)	(2,914,461,238)
III. CÁC KHOẢN PHẢI THU	130	136,981,163,132	243,958,687,499
1. Phải thu của khách hàng	131	73,006,642,205	170,074,601,117
- Phải thu của hoạt động BH gốc	1311	57,851,700,438	124,185,262,343
- Phải thu của hoạt động nhân tái BH	1312	7,359,286,067	20,342,852,040
- Phải thu của hoạt động nhượng tái BH	1313	7,795,655,700	25,546,486,734
- Phải thu khác của khách hàng	1314	-	-
- Doanh thu chưa thanh toán*	1315	-	-
2. Trả trước cho người bán	132	1,325,178,280	549,658,500
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133	68,762,797	9,225,004
4. Phải thu nội bộ	134	-	-
- Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	135	-	-
- Phải thu nội bộ khác	136	-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	62,580,579,850	73,424,798,510
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi*	139	-	(99,595,632)
IV. HÀNG TỒN KHO	140	3,755,252,001	3,962,651,689
1. Hàng mua đang đi đường	141	-	-
2. Nguyên liệu, vật liệu	142	827,734,616	1,029,930,370
3. Công cụ, dụng cụ	143	-	-
4. Chi phí kinh doanh dở dang	144	2,927,517,385	2,932,721,319
- Hoạt động BH gốc	1441	2,927,517,385	2,932,721,319
- Hoạt động nhân tái BH	1442	-	-
- Hoạt động nhượng tái BH	1443	-	-
- Hoạt động kinh doanh khác	1444	-	-
- Chi phí hoạt động khác dở dang	1445	-	-
5. Hàng hóa	145	-	-
6. Hàng gửi đi bán	146	-	-
7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*	149	-	-
V. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG KHÁC	150	6,411,278,779	12,397,801,848
1. Tạm ứng	151	3,103,503,185	7,486,694,840
2. Chi phí trả trước	152	2,049,917,018	1,946,578,765
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	153	-	-
5. Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	154	1,257,858,576	2,964,528,243
VI. CHI SỰ NGHIỆP	160	-	-

1. Chi sự nghiệp năm trước	161	-	-
2. Chi sự nghiệp năm nay	162	-	-
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240)	200	126,278,979,696	78,934,993,099
I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	210	9,591,480,908	9,452,632,981
1. Tài sản cố định hữu hình	211	9,512,167,388	9,395,470,538
- Nguyên giá	212	13,244,354,598	15,562,816,178
- Giá trị hao mòn lũy kế*	213	(3,732,187,210)	(6,167,345,640)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	214	-	-
- Nguyên giá	215	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế*	216	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	217	79,313,520	57,162,443
- Nguyên giá	218	109,094,137	109,094,137
- Giá trị hao mòn lũy kế*	219	(29,780,617)	(51,931,694)
II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	220	108,814,142,876	54,909,538,777
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	36,570,000,000	36,570,000,000
2. Góp vốn liên doanh	222	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	228	72,244,142,876	18,339,538,777
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn*	229	-	-
III. CHI PHÍ XDCB DỒ DANG	230	102,799,091	6,881,864,520
IV. CÁC KHOẢN KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN	240	7,770,556,821	7,690,956,821
1. Ký quỹ bảo hiểm	241	6,012,387,821	6,012,387,821
2. Cầm cổ, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242	1,758,169,000	1,678,569,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250	526,586,729,980	649,511,603,770

	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
NGUỒN VỐN			
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320 + 330 + 340)	300	181,280,102,185	275,772,403,346
I. NỢ NGẮN HẠN	310	88,280,613,207	147,276,571,663
1. Vay ngắn hạn	311	-	-
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	312	-	-
3. Phải trả cho người bán	313	37,843,269,800	103,402,795,717
- Phải trả của hoạt động BH gốc	3131	1,578,214,339	2,019,560,763
- Phải trả của hoạt động nhân tái BH	3132	3,308,482,358	8,144,203,048
- Phải trả của hoạt động nhượng tái BH	3133	32,956,573,103	93,239,031,906
- Phải trả về hàng hoá lao vụ	3134	-	-
- Phải trả khác	3135	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm doanh thu chưa thanh toán*	3136	-	-
4. Người mua trả tiền trước	314	2,689,488,442	3,087,603,659
5. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	315	7,392,939,988	7,340,199,124
6. Phải trả công nhân viên	316	1,265,040,367	7,465,866,271
7. Phải trả cho các đơn vị nội bộ	317	-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318	39,089,874,610	25,980,106,892
II. NỢ DÀI HẠN	320	-	-
1. Vay dài hạn	321	-	-
2. Nợ dài hạn	322	-	-
3. Phát hành trái phiếu	323	-	-
III. Dự phòng nghiệp vụ	330	92,999,488,978	128,494,015,942
1 - Dự phòng phí	331	79,822,224,019	99,564,679,870
2 - Dự phòng toán học	332	-	-
3 - Dự phòng bồi thường	333	3,930,710,047	13,425,204,537
4 - Dự phòng dao động lớn	334	9,246,554,912	15,504,131,535
5 - Dự phòng chia lãi	335	-	-
6 - Dự phòng bảo đảm cân đối	336	-	-
IV. NỢ KHÁC	340	-	1,815,741
1. Chi phí trả trước	341	-	1,815,741

2. Tài sản thừa chờ xử lý	342	-	-
3. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	343	-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400	345,306,627,795	373,739,200,424
I. NGUỒN VỐN - QUỸ	410	345,324,653,396	373,731,600,424
1. Nguồn vốn kinh doanh	411	344,420,080,000	344,546,000,000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412	-	-
3. Chênh lệch tỷ giá	413	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	414	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	415	-	-
6. Quỹ dự trữ bắt buộc	416	773,991,347	1,986,657,981
7. Quỹ dự trữ tự nguyện	417	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	418	130,582,049	27,198,942,443
9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	419	-	-
II. NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC	420	(18,025,601)	7,600,000
1. Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm	421	-	-
2. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	422	(18,025,601)	7,600,000
3. Quỹ khen thưởng và phúc lợi đưa đi đầu tư	423	-	-
4. Quỹ quản lý của cấp trên	424	-	-
5. Nguồn kinh phí sự nghiệp	425	-	-
- Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước	426	-	-
- Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay	427	-	-
6. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	428	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	430	526,586,729,980	649,511,603,770

Kê toán trưởng

Trần Bằng Đoàn

TP.HCM, Ngày 22 tháng 04 năm 2011

Tổng Giám đốc

Phan Hoàng Chung Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU
BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 a - DNBH

Ban hành theo QĐ số 150/2001/QĐ - BTC

Ngày 31/12/2001 của Bộ Tài Chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

(Dùng cho doanh nghiệp Bảo Hiểm)

Đơn vị tính: đồng VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY
1	2	3	4
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01	247,574,434,757	372,073,267,108
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02	19,771,275,453	20,038,784,968
3. Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	03	97,652,019,286	183,526,164,608
- Phí nhượng tái Bảo Hiểm	04	92,303,814,768	182,187,083,978
- Giảm phí Bảo Hiểm	05	103,658,494	428,114,090
Giảm phí hoạt động bảo hiểm gốc	5A	103,658,494	428,114,090
Giảm phí hoạt động nhận tái bảo hiểm	5B	-	-
- Hoàn phí Bảo Hiểm	06	5,244,546,024	910,966,540
Hoàn phí bảo hiểm gốc	6A	4,999,281,991	909,072,849
Hoàn phí nhận tái bảo hiểm	6B	245,264,033	1,893,691
- Các khoản giảm trừ khác	07	-	-
4. Tăng (giảm) dự phòng phí, dự phòng toán học	08	27,778,939,984	19,742,455,851
5. Thu hoa hồng nhượng tái Bảo Hiểm	09	18,895,025,417	39,971,242,709
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=11+12+13)	10	3,529,731,316	124,787,876
- Thu nhận tái bảo hiểm	11	-	-
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12	341,104,877	-
- Thu khác (giám định, đại lý...)	13	3,188,626,439	124,787,876
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14 = 01+ 02 - 03 +/- 08 + 09 + 10)	14	164,339,507,673	228,939,462,202
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	15	52,747,735,909	94,732,698,120
9. Chi bồi thường nhận tái Bảo Hiểm, trả tiền bảo hiểm	16	6,889,671,811	6,750,814,666
10. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20)	17	9,780,933,185	24,993,153,699
- Thu BT nhượng tái Bảo Hiểm	18	8,985,578,396	23,465,448,699
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19	763,017,683	578,150,000
- Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%	20	32,337,106	949,555,000
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại (21 = 15 + 16 - 17)	21	49,856,474,535	76,490,359,087
12. Chi bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22	-	-
13. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23	930,182,897	9,494,494,490
14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	5,252,866,346	6,257,576,623
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (25=26+34+39+40)	25	28,772,141,624	37,391,707,511
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc (26=27+28+29+30+31+32+33)	26	24,668,167,917	33,283,605,615
+ Chi hoa hồng	27	19,563,584,277	24,358,296,522
+ Chi giám định tổn thất	28	1,162,651,220	2,762,802,679
+ Chi đòi người thứ 3	29	135,918,504	47,264,783
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30	(2,400,000)	-
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31	30,000	9,667,636
+ Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32	1,299,776,712	2,805,058,435
+ Chi khác	33	2,508,607,204	3,300,515,560
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm (34=35+36+38)	34	4,068,093,890	4,108,101,896

+ Chi hoa hồng	35	4,068,093,890	4,108,101,896
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36	-	-
+ Chi khác	38	-	-
- Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39	34,399,817	-
- Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40	1,480,000	-
16. Tổng chi trực tiếp hoạt động KDBH (41 = 21 - 22 +/- 23 + 24 + 25)	41	84,811,665,402	129,634,137,711
17. Lợi nhuận gộp hoạt động KDBH (42 = 14 - 41)	42	79,527,842,271	99,305,324,491
18. Chi phí bán hàng	43	2,947,784,750	899,612,669
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	75,625,034,042	97,704,117,895
20. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (45 = 42 - 43 - 44)	45	955,023,479	701,593,927
21. Doanh thu hoạt động tài chính	46	31,654,535,816	41,346,893,046
22. Chi hoạt động tài chính (47=48+49+50)	47	5,638,726,344	6,446,915,818
- Dự phòng toán học trích lãi từ đầu tư	48	-	-
- Dự phòng chia lãi	49	-	-
- Chi khác hoạt động tài chính	50	5,638,726,344	6,446,915,818
23. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51 = 46 - 47)	51	26,015,809,472	34,899,977,228
24. Thu nhập hoạt động khác	52	969,366,015	1,049,530,971
25. Chi phí hoạt động khác	53	42,046,778	127,273,756
26. Lợi nhuận hoạt động khác (54 = 52 - 53)	54	927,319,237	922,257,215
27. Tổng lợi nhuận kế toán (55 = 45 + 51 + 54)	55	27,898,152,188	36,523,828,370
28. Các khoản điều chỉnh tăng (+) hoặc giảm (-) lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	56	(1,665,587,900)	(8,385,049,459)
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	56a	-	(333,526,159)
Chia lãi từ vốn góp vào DN khác (đã nộp TTN)	56b	(1,665,587,900)	(8,051,523,300)
29. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (57 = 55 +/- 56)	57	26,232,564,288	28,138,778,911
30. Dự phòng đảm bảo cân đối	58	-	-
31. Lợi nhuận chịu thuế TNDN (59 = 57 - 58)	59	26,232,564,288	28,138,778,911
32. Thuế TNDN phải nộp	60	6,558,141,072	7,034,694,728
33. Lợi nhuận sau thuế TNDN (61 = 59 - 60)	61	21,340,011,116	29,489,133,642

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Bằng Đoàn

TP.HCM, Ngày 22 tháng 04 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Hoàng Chung Thủy

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM TOÀN CẦU
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27,898,152,188	36,523,828,370
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	2,220,673,507	2,549,087,381
- Các khoản dự phòng	03	34,010,687,115	35,641,755,990
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	615,445,507	(290,017,353)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(31,789,225,053)	(34,577,777,744)
- Chi phí lãi vay	06	5,815,089,076	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38,770,822,340	39,846,876,644
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(38,539,895,975)	(103,701,865,918)
Phải thu hoạt động BH Gốc	09a	(27,695,503,070)	(65,558,042,125)
Phải thu hoạt động BH Nhận Tái	09b	1,138,646,798	(12,983,565,973)
Phải thu hoạt động BH Nhượng tái	09c	428,450,825	(17,750,831,034)
Phải thu hoạt động khác	09d	(12,411,490,528)	(7,409,426,786)
Phải thu/trả đơn vị nội bộ	09e	-	-
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(1,443,925,686)	(207,399,688)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	74,948,402,314	111,603,972,466
Phải trả hoạt động BH Gốc	11a	36,156,190,520	36,514,330,621
Phải trả hoạt động BH Nhận Tái	11b	1,762,948,888	4,835,720,690
Phải trả hoạt động BH Nhượng tái	11c	2,719,214,890	60,282,458,803
Phải trả hoạt động khác	11d	33,378,833,888	3,770,636,448
Phải trả CBCNV	11e	931,214,128	6,200,825,904
- Tăng giảm Chi phí trả trước	12	(439,356,167)	105,153,994
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6,036,665,108)	(6,808,740,049)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4,909,400,990	4,891,303,451
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(46,786,357,962)	(57,567,662,051)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	25,382,424,746	(11,838,361,151)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(594,274,219)	(6,968,631,376)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	635,309	9,491,364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(558,864,878,753)	(574,195,424,107)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	534,084,499,682	587,250,630,013
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40,857,213,184)	(76,298,984,213)

6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	34,970,915,575	83,929,028,880
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(82,484,140)	2,603,862,374
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31,342,799,730)	16,329,972,935
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(125,920,000)	125,920,000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	6,000,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11,000,000,000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	9,338,670,000	18,970,510,600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	4,212,750,000	19,096,430,600
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(1,747,624,984)	23,588,042,384
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ (60)	70	32,849,371,256	30,486,300,765
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61.	(615,445,507)	290,017,353
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	30,486,300,765	54,364,360,502

TP.HCM, Ngày 22 tháng 04 năm 2011

Kế toán trưởng

Trần Bằng Đoàn

Tổng Giám đốc

Phan Hoàng Chung Thủy